

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ X
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HS-ST
Ngày: 15/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Trường Giang và ông Nguyễn Trọng Sơn;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng - Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2017/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

L, sinh năm 1957, tại tỉnh Long An; nơi ĐKKHKT: Ấp 1, xã T, huyện Th, tỉnh L; chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường N, thị xã T, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hoá: 5/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông V và bà S (đã chết); vợ là K (SN 1979) và 02 con, con lớn 10 tuổi, con nhỏ 07 tuổi; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/HSST ngày 27/2/2004 của TAND huyện A, tỉnh Long An xử phạt 24 tháng tù về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đã chấp hành án xong; bị bắt tạm giam ngày 08/3/2017 theo quyết định khởi tố và bắt tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông trong vụ án khác - Có mặt.

Người bị hại: Ông H, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Tổ 4, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà R, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ 4, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo L bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã X truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ông H (SN 1965), HKTT: Tổ 4, P. N, TX. X và chị dâu là bà T (SN 1960), HKTT: thôn 6, xã H, huyện Đ có làm chung một mảnh đất tại xã H, huyện Đ. Mảnh đất này có tranh chấp với đất rẫy của hộ ông Q, đã được ông A- Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông ký

tại Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất số 1516/QĐ-UBND ngày 29/9/2011; kết quả không công nhận quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp đối với hộ ông H. Không đồng ý với kết quả giải quyết như trên, nên ông H có ý định tiếp tục khởi kiện để đòi lại đất.

Khoảng cuối tháng 01/2017, L có gặp ông H và bà T tại quán cà phê 79 thuộc tổ 4, P. N. Qua nói chuyện, L biết ông H có tranh chấp đất đai và muốn khởi kiện. Lúc này, do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên L đã nói dối với ông H sẽ sửa được Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, theo hướng công nhận quyền sử dụng phần diện tích đất tranh chấp thuộc về ông H. Để lấy được tiền, L nói với ông H đưa cho L 15 triệu đồng L sẽ giúp được, trong vòng 25 ngày là xong. Để tạo lòng tin, L nói thêm *“tôi đã giúp được bao nhiêu người, làm xong bao nhiêu hồ sơ rồi”* và lấy điện thoại ra giả vờ gọi điện cho người khác nói chuyện *“mày xem cái hồ sơ tranh chấp đất đai này cho tao với, hồ sơ này ông A”*. Sau khi nghe L nói chuyện và có nhắc đến tên ông A – Chủ tịch UBND tỉnh, nên ông H tin tưởng L sẽ tác động để sửa được hồ sơ tranh chấp đất đai cho mình và đồng ý nhờ L làm.

Ngày 31/01/2017, L chủ động gọi điện cho ông H đến quán cà phê S thuộc tổ 1, P. N để giao tiền. Ông H gọi thêm vợ là bà R, bà T và chị P là con bà T đi đến gặp L. Tại đây, gia đình ông H và L thỏa thuận đưa trước 10 triệu, khi nào sửa xong có Quyết định thì đưa thêm 05 triệu. Sau khi nhận đủ tiền, L viết giấy nhận tiền có nội dung: *“L nhận của anh H 10 triệu đồng để làm hồ sơ quyết định sửa sai của tỉnh Đắk Nông, hẹn trong 25 ngày sẽ làm xong”*.

Để củng cố thêm lòng tin cho ông H, hai ngày sau khi nhận tiền, L đến nhà ông H lấy một số tài liệu gồm: Công văn trả lời của UBND xã H, Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện Đ Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông H và ông H1. Tuy nhiên, ngay sau đó L đã xé bỏ tất cả các tài liệu trên, không làm bất cứ việc gì liên quan đến đất đai của ông H. Số tiền 10.000.000đ nhận từ ông H, L đã tiêu xài cá nhân hết.

Quá ngày hẹn nhưng không thấy kết quả, ông H liên lạc với L thì được biết L đã bị Công an huyện Đ bắt giữ về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Biết bị L lừa nên ngày 15/5/2017, ông H đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo và yêu cầu L phải trả lại số tiền 10.000.000đ đã chiếm đoạt.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 giấy biên nhận tiền lập ngày 31/01/2017 có chữ ký của L.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, người bị hại ông H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T đã yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Ông L chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Tại bản Cáo trạng số 45/CTr-VKS ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã X đã truy tố bị cáo L về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo L và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự: Xử phạt: bị cáo L từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo L trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho người bị hại là ông H.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 31/01/2017, tại quán cà phê S thuộc tổ 1, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông bị cáo L đã dùng thủ đoạn gian dối để ông H tin là bị cáo sẽ sửa lại Quyết định giải quyết khiếu nại tranh chấp đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông theo hướng công nhận phần diện tích đất tranh chấp thuộc về ông H để chiếm đoạt của ông H số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Điều 139 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rằng quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, bất kỳ một hành vi chiếm đoạt trái pháp luật nào cũng đều bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự nhưng vì động cơ muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, hành vi này của bị cáo ngoài việc xâm hại đến quyền sở hữu của người khác còn làm ảnh hưởng

đến trật tự trị an địa phương và gây hoang mang trong nhân dân. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ mà bị cáo đã gây ra.

Bị cáo có nhân thân xấu, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/HSST ngày 27/2/2004 của TAND huyện A, tỉnh Long An xử phạt 24 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đã chấp hành án xong. Mặc khác hiện nay bị cáo đang bị khởi tố và bị bắt tạm giam trong một vụ án khác tại huyện Đ.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa người bị hại ông H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự đề Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Tại phiên tòa, qua phần tranh luận, xét quan điểm về đường lối xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X là có căn cứ nên chấp nhận.

Việc bồi thường thiệt hại: Xét số tiền 10.000.000 đồng là tài sản hợp pháp của ông H mà bị cáo chiếm đoạt, nên cần chấp nhận việc buộc bị cáo L phải bồi thường cho ông H số tiền 10.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là $10.000.000đ \times 5\% = 500.000đ$ (năm trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo L 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 604 và Điều 608 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo L phải bồi thường cho ông H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo L phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX.X;
- Công an TX.X
- CQ hồ sơ nghiệp vụ Cảnh Sát;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến